

TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY

CÂU HỎI ÔN TẬP PYTHON KIỂM TRA HỌC KỲ 2 – NH: 2022-2023

Bài 16-Ngôn ngữ lập trình bậc cao và Python

Câu 1: Có mấy loại ngôn ngữ lập trình?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 2: Môi trường lập trình Python có bao nhiêu chế độ?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 3: Ở chế độ gõ lệnh trực tiếp, lệnh được gõ vào dấu nào sau đây?

- A. >
- B. >>
- C. >>>
- D. <<<

Câu 4: Chương trình dịch dùng để làm gì?

- A. Dịch từ ngôn ngữ máy sang hợp ngữ.
- B. Dịch từ ngôn ngữ bậc cao sang ngôn ngữ máy.
- C. Dịch từ hợp ngữ sang ngôn ngữ máy.
- D. Dịch từ ngôn ngữ máy sang ngôn ngữ bậc cao.

Câu 5: Python là ngôn ngữ lập trình bậc cao do Guido van Rossum, người Hà Lan tạo ra và ra mắt lần đầu tiên vào năm nào?

- A. 1990
- B. 1991
- C. 1992
- D. 1993

Câu 6: Trong môi trường lập trình Python, để mở ra màn hình soạn thảo chương trình, ta chọn:

- A. File/New File
- B. File/New
- C. File/Open
- D. File/Save

Câu 7: Khi viết chương trình Python ở chế độ soạn thảo, để chạy chương trình ta sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Edit
- B. Format
- C. Run
- D. Options

Câu 8: Môi trường lập trình Python có hai chế độ là:

- A. Chế độ gõ lệnh trực tiếp và chế độ con trỏ.
- B. Chế độ soạn thảo và chế độ con trỏ.
- C. Chế độ gõ lệnh trực tiếp và chế độ soạn thảo.
- D. Chế độ con trỏ và chế độ dấu nhắc.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Khi nhập giá trị số hoặc xâu kí tự từ dòng lệnh, Python tự nhận biết kiểu dữ liệu.
- B. Python có thể thực hiện các phép toán thông thường với số, phân biệt số thực và số nguyên.
- C. Khi nhập giá trị số hoặc xâu kí tự từ dòng lệnh, Python không nhận biết kiểu dữ liệu.
- D. Lệnh print() có chức năng in dữ liệu ra màn hình, có thể in ra một hoặc nhiều giá trị đồng thời.

Câu 10: Dòng lệnh sau đây cho kết quả là gì?

```
>>> print(10, 3.4 + 4.1, "hoà bình")
```

- A. 10, 3.4 + 4.1 hoà bình
- B. 10 7.5 hoà bình
- C. 17.5 hoà bình
- D. 10, 3.4 + 4.1, 'hoà bình'

Bài 17. Biến và lệnh gán

Câu 1: Cú pháp của lệnh gán nào sau đây là đúng:

- A. <biến> = <giá trị>
- B. <biến> : <giá trị>
- C. <biến> = <giá trị>;
- D. <biến> : <giá trị>;

Câu 2: Trong Python ta có thể gán biểu thức cho biến. Vậy câu lệnh gán biểu thức cho biến nào sau đây là đúng?

- A. <biến> = <biểu thức>;
- B. <biến> : <biểu thức>
- C. <biến> = <biểu thức>
- D. <biến> : <biểu thức>;

Câu 3: Phát biểu nào sau đây là đúng nhất?

- A. Tên biến trong Python chỉ gồm chữ cái tiếng Anh.
- B. Tên biến trong Python chỉ gồm chữ cái tiếng Anh, các chữ số từ 0 đến 9 và kí tự gạch dưới.
- C. Tên biến trong Python không bắt đầu bằng chữ số và có phân biệt chữ hoa và chữ thường.
- D. Tên biến trong Python chỉ gồm chữ cái tiếng Anh, các chữ số từ 0 đến 9 và kí tự gạch dưới, không bắt đầu bằng chữ số và có phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Câu 4: Tên biến nào dưới đây là hợp lệ trong Python?

- A. _hoten
- B. 12abc
- C. My country
- D. m123&b

Câu 5: Sau các lệnh dưới đây, z nhận giá trị là bao nhiêu?

```
>>> x = 5
>>> y = 2
>>> z = x/y
>>> z
```

- A. 2
- B. 2.5
- C. 3
- D. 3.5

Câu 6: Sau các lệnh dưới đây, các biến x, y nhận giá trị bao nhiêu?

```
>>> x = 10
>>> y = x**2 - 1
>>> x = x//2 + y%2
```

- A. x=6, y=98
- B. x=5, y=98
- C. x=6, y=99
- D. x=5, y=99

Câu 7: Sau các lệnh dưới đây a, b nhận giá trị là bao nhiêu?

```
>>> a,b = 2,3
>>> a,b = a+b, a-b
```

- A. a=4, b=-1
- B. a=5, b=-1
- C. a=5, b=1
- D. a=4, b=1

Câu 8: Câu lệnh sau cho kết quả là bao nhiêu?

```
>>> (12 - 10//2)**2 - 1
```

- A. 47
- B. 48
- C. 49
- D. 50

Câu 9: Câu lệnh sau cho kết quả là dãy số nào?

```
>>> "10"+"0"*5
```

- A. '1000000'
- B. '100000'
- C. '100100100100100'
- D. '1000001'

Câu 10: Tên biến nào sau đây hợp lệ?

- A. global
- B. return
- C. true
- D. _if

Bài 18. Các lệnh vào ra đơn giản

Câu 1: Cú pháp của lệnh input nào sau đây là đúng?

- A. <biến> : input(<Dòng thông báo>)
- B. <biến> = input(<Dòng thông báo>)
- C. <biến> = Input(<Dòng thông báo>)
- D. <biến> : Input(<Dòng thông báo>)

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là đúng nhất?

- A. Lệnh input() có chức năng đưa dữ liệu ra từ thiết bị ra chuẩn, thường là màn hình.
- B. Lệnh input() có chức năng nhập dữ liệu từ thiết bị vào chuẩn.
- C. Lệnh input() có chức năng nhập dữ liệu từ thiết bị vào chuẩn, thường là bàn phím.
- D. Lệnh input() có chức năng đưa dữ liệu ra từ thiết bị ra chuẩn.

Câu 3: Các lệnh vào ra đơn giản của Python bao gồm:

- A. Lệnh input và lệnh print
- B. Lệnh input và lệnh output
- C. Lệnh print và lệnh output
- D. Python không có lệnh vào ra

Câu 4: Một số kiểu dữ liệu cơ bản của Python bao gồm:

- A. int (số nguyên), float (số thực), str (xâu kí tự), boole (lôgic)
- B. int (số thực), float (số nguyên), str (xâu kí tự), bool (lôgic)
- C. int (số nguyên), float (số thực), str (lôgic), bool (xâu kí tự)
- D. int (số nguyên), float (số thực), str (xâu kí tự), bool (lôgic)

Câu 5: Lệnh nào sau đây dùng để nhận biết kiểu dữ liệu của biến trong Python?

- A. Lệnh print
- B. Lệnh input
- C. Lệnh type

D. Trong Python không có lệnh dùng để nhận biết kiểu dữ liệu

Câu 6: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Lệnh `int()` có chức năng chuyển đổi số thực hoặc chuỗi chứa số nguyên thành số nguyên.
- B. Lệnh `int()` có chức năng chuyển đổi số thực hoặc chuỗi chứa số thực thành số nguyên.
- C. Lệnh `float()` dùng để chuyển đổi số nguyên và chuỗi ký tự thành số thực.
- D. Các lệnh `int()`, `float()` không thực hiện chuỗi là biểu thức toán.

Câu 7: Lệnh nào trong các lệnh sau đây sẽ báo lỗi?

- A. `int("12.5")`
- B. `float(13+1)`
- C. `str(17.001)`
- D. `int("1950")`

Câu 8: Lệnh nào trong các lệnh sau đây sẽ báo lỗi?

- A. `float(123.56)`
- B. `float("12345.5")`
- C. `str(12345)`
- D. `int("12+45")`

Câu 9: Để nhập số tự nhiên `n` là số nguyên, lệnh nào sau đây là đúng?

- A. `n = float(input("Nhập số tự nhiên n: "))`
- B. `n = int(input("Nhập số tự nhiên n: "))`
- C. `n = input("Nhập số tự nhiên n: ")`
- D. `n = str(input("Nhập số tự nhiên n: "))`

Câu 10: Xét đoạn chương trình sau:

```
m=int(input("Nhập số nguyên m: "))
n=int(input("Nhập số nguyên n: "))
p=int(input("Nhập số nguyên p: "))
print("Tổng 3 số là: ",m+n+p)
```

Khi chạy chương trình, nếu nhập `m=1`, `n=2`, `p=3`. Kết quả nào sau đây là đúng?

- A. Tổng 3 số là 6
- B. tổng 3 số là: 6
- C. Tổng 3 số là: 6
- D. tổng 3 số là 6

Bài 19. Câu lệnh điều kiện If

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Trong Python, biểu thức logic là biểu thức chỉ nhận một giá trị True (đúng).
- B. Trong Python, biểu thức logic là biểu thức chỉ nhận một giá trị False (sai).
- C. Trong Python, biểu thức logic là biểu thức chỉ nhận giá trị True (đúng) hoặc False (sai).
- D. Trong Python, biểu thức logic là biểu thức nhận hai giá trị True (đúng) và False (sai).

Câu 2: Các phép so sánh các giá trị số trong Python gồm:

- A. `<` (nhỏ hơn), `>` (lớn hơn), `==` (bằng nhau), `<=` (nhỏ hơn hoặc bằng), `>=` (lớn hơn hoặc bằng), `!=` (khác nhau).
- B. `<` (nhỏ hơn), `>` (lớn hơn), `=` (bằng nhau), `<=` (nhỏ hơn hoặc bằng), `>=` (lớn hơn hoặc bằng), `!=` (khác nhau).
- C. `<` (nhỏ hơn), `>` (lớn hơn), `==` (bằng nhau), `<=` (nhỏ hơn hoặc bằng), `>=` (lớn hơn hoặc bằng), `!=` (khác nhau).
- D. `<` (nhỏ hơn), `>` (lớn hơn), `==` (bằng nhau), `<=` (nhỏ hơn hoặc bằng), `>=` (lớn hơn hoặc bằng), `≠` (khác nhau).

Câu 3: Câu lệnh điều kiện dạng thiếu nào sau đây là đúng?

- A. `if <điều kiện>;`
 `<khối lệnh>`

- B. if <điều kiện>,
 <khối lệnh>
- C. if <điều kiện>:
 <khối lệnh>
- D. if <điều kiện>
 <khối lệnh>

Câu 4: Câu lệnh điều kiện dạng đủ nào sau đây là đúng?

- A. if <điều kiện>:
 <khối lệnh 1>
 else:
 <khối lệnh 2>
- B. if <điều kiện>
 <khối lệnh 1>
 else:
 <khối lệnh 2>
- C. if <điều kiện>:
 <khối lệnh 1>
 else
 <khối lệnh 2>
- D. if <điều kiện>;
 <khối lệnh 1>
 else:
 <khối lệnh 2>

Câu 5: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Các khối lệnh trong Python không cần viết sau dấu ":".
- B. Các khối lệnh trong Python đều cần viết sau dấu ":", cần lùi vào và thẳng hàng.
- C. Các khối lệnh trong Python đều cần viết sau dấu ":", cần lùi vào và không cần thẳng hàng.
- D. Các khối lệnh trong Python đều cần viết sau dấu ":" và không cần lùi vào.

Câu 6: Đoạn chương trình sau thực hiện công việc gì?

```
k = int(input("Nhập một số nguyên dương: "))
if k <= 0:
    print("Bạn nhập sai rồi!")
```

- A. Nhập 1 số nguyên dương k từ bàn phím. Nếu k < 0 thì in ra màn hình "Bạn nhập sai rồi!"
- B. Nhập 1 số nguyên dương k từ bàn phím. Nếu k = 0 thì in ra màn hình "Bạn nhập sai rồi!"
- C. Nhập 1 số nguyên dương k từ bàn phím. Nếu k <= 0 thì in ra màn hình "Bạn nhập sai rồi!"
- D. Nhập 1 số nguyên dương k từ bàn phím. Nếu k <= 0 thì in ra màn hình "Bạn nhập sai rồi!"

Câu 7: Xét đoạn chương trình sau:

```
n=int(input("Nhập số tự nhiên n: "))
if n %2 ==0:
    print("Số đã nhập là số chẵn!")
else:
    print("Số đã nhập là số lẻ!")
```

Khi chạy chương trình, nếu nhập n=4 thì kết quả hiển thị là:

- A. Số đã nhập là số lẻ!
- B. Bạn đã nhập sai.
- C. Phép toán không thực hiện được.
- D. Số đã nhập là số chẵn!

Câu 8: Viết biểu thức logic trong Python ứng với câu: Số x nằm trong khoảng (1; 10).

- A. 1 < x or x < 10
- B. 1 < x or x <= 10
- C. x > 1 and x <10

D. $x < 1$ and $x > 10$

Câu 9: Viết biểu thức logic trong Python ứng với câu: Số z nằm trong đoạn [0; 1] hoặc [5; 10].

- A. $(z \geq 0 \text{ and } z \leq 1) \text{ or } (z \geq 5 \text{ and } z \leq 10)$
- B. $(z \geq 0 \text{ or } z \leq 1) \text{ and } (z \geq 5 \text{ or } z \leq 10)$
- C. $(z \geq 0 \text{ and } z \leq 1) \text{ and } (z \geq 5 \text{ and } z \leq 10)$
- D. $(z \leq 0 \text{ and } z \geq 1) \text{ or } (z \leq 5 \text{ and } z \geq 10)$

Câu 10: Xét chương trình sau:

```
soky=int(input("Nhập số lượng mua: "))
if soky < 5:
    thanhtien=soky*12000
else:
    thanhtien=soky*10000
print("Số tiền phải trả là: ",thanhtien,"đồng")
```

Khi chạy chương trình, nếu nhập soky = 4 thì kết quả hiển thị là:

- A. Số tiền phải trả là: 40000 đồng
- B. Số tiền phải trả là: 48000 đồng
- C. 48000 đồng
- D. 40000 đồng

Bài 20-Câu lệnh lặp for

Câu 1: Lệnh `range(n)` trả lại vùng giá trị gồm n số từ:

- A. 0 đến n - 1
- B. 1 đến n
- C. 0 đến n
- D. 0 đến n+1

Câu 2: Cú pháp của lệnh lặp với số lần biết trước for trong Python được viết như thế nào là đúng?

- A.

```
for <i> in range(n):
    <khối lệnh lặp>
```
- B.

```
for <i> in range(n)
    <khối lệnh lặp>
```
- C.

```
for <i> in range(n):
    <khối lệnh lặp>
```
- D.

```
for <i> in range(n)
    <khối lệnh lặp>
```

Câu 3: Tính tổng các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn n, với n cho trước (n = 10).

```
n=10
s=0
for k in range(n):
    if k % 2 == 0:
        s = s + k
print(s)
```

Đoạn chương trình trên cho kết quả là bao nhiêu?

- A. 10
- B. 30
- C. 20
- D. 40

Câu 4: Đếm các số nguyên nhỏ hơn n (n = 10) và là bội của 3.

```
n=10
c=0
for k in range(n):
    if k % 3 == 0:
        c = c + 1
print(c)
```

Đoạn chương trình trên cho kết quả là bao nhiêu?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 5: Xét đoạn chương trình dưới đây:

```
n=int(input("Nhập số nguyên n: "))
s=0
for k in range(1,n+1):
    s=s+k
print(s)
```

Khi chạy chương trình, nếu nhập $n=4$ thì kết quả là:

- A. 7
- B. 8
- C. 9
- D. 10

Câu 6: Đoạn chương trình sau cho kết quả là dãy số nào?

```
for k in range(3,10):
    print(k,end=" ")
```

- A. 4 5 6 7 8 9 10
- B. 3 4 5 6 7 8 9 10
- C. 3 4 5 6 7 8 9
- D. 4 5 6 7 8 9

Câu 7: Đoạn chương trình sau cho kết quả là dãy số nào?

```
for k in range(0,15):
    print(k,end=" ")
```

- A. 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14
- B. 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14
- C. 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15
- D. 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15

Câu 8: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Lệnh tạo vùng giá trị có cú pháp `range(start,stop)` trả lại vùng giá trị gồm các số nguyên liên tiếp từ start đến stop.
- B. Lệnh tạo vùng giá trị có cú pháp `range(start,stop)` trả lại vùng giá trị gồm các số nguyên liên tiếp từ start đến stop + 1.
- C. Lệnh tạo vùng giá trị có cú pháp `range(start,stop)` trả lại vùng giá trị gồm các số nguyên liên tiếp từ start đến stop – 1.
- D. Lệnh tạo vùng giá trị có cú pháp `range(start,stop)` trả lại vùng giá trị gồm các số nguyên liên tiếp từ start + 1 đến stop.

Câu 9: Xét đoạn chương trình sau:

```
n=int(input("Nhập số tự nhiên n: "))
s=0
for k in range(n+1):
    s=s+k
print(s*s)
```

Khi chạy chương trình, nếu nhập $n=3$ thì kết quả là:

- A. 25
- B. 36
- C. 49
- D. 64

Câu 10: Xét đoạn chương trình sau:

```
n=int(input("Nhập số tự nhiên n: "))
tich=1
for i in range(1,n+1):
    tich=tich*i
print("Tích các số từ 1 đến n là: ",tich)
```

Khi chạy chương trình, nếu nhập $n=3$ thì kết quả hiển thị là:

- A. Tích các số từ 1 đến n là: 6
- B. Tích các số từ 1 đến n là: 5
- C. Tích các số từ 1 đến n là: 7
- D. Tích các số từ 1 đến n là: 8

Bài 21- Câu lệnh lặp while

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Lệnh lặp while thực hiện khối lệnh với số lần lặp không biết trước. Khối lệnh lặp được thực hiện cho đến khi <điều kiện> = False.
- B. Lệnh lặp while thực hiện khối lệnh với số lần lặp không biết trước. Khối lệnh lặp được thực hiện cho đến khi <điều kiện> = True.
- C. Lệnh lặp while thực hiện khối lệnh với số lần lặp biết trước. Khối lệnh lặp được thực hiện cho đến khi <điều kiện> = False.
- D. Lệnh lặp while thực hiện khối lệnh với số lần lặp biết trước. Khối lệnh lặp được thực hiện cho đến khi <điều kiện> = True.

Câu 2: Cú pháp của lệnh while nào sau đây là đúng?

- A. `while <điều kiện>;`
 <khối lệnh lặp>
- B. `while <điều kiện>:`
 <khối lệnh lặp>
- C. `while <điều kiện>:`
 <khối lệnh lặp>
- D. `while <điều kiện>`
 <khối lệnh lặp>

Câu 3: Đoạn chương trình sau cho kết quả là bao nhiêu?

```
s=4
while s>=4:
    s=s-1
print(s)
```

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 4: Đoạn chương trình sau cho kết quả là dãy số nào?

```
k=2
while k < 20:
    print(k,end=" ")
    k=k+3
```

- A. 2 5 8 11 14 17
- B. 2 3 4 5 6 7
- C. 1 2 3 4 5 6
- D. 3 6 9 12 15 18

Câu 5: Nếu muốn dừng và thoát ngay khỏi vòng lặp while, ta sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. print
- B. input
- C. break
- D. if

Câu 6: Đoạn chương trình sau cho kết quả là dãy số nào?

```
for k in range(10):
    print(k,end=" ")
    if k==5:
        break
```

- A. 1 2 3 4 5
- B. 0 1 2 3 4
- C. 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
- D. 0 1 2 3 4 5

Câu 7: Để in toàn bộ dãy các số tự nhiên từ 1 đến 100 trên một hàng ngang, đoạn chương trình nào sau đây là đúng?

- A.

```
k=0
while k < 100:
    k=k+1
    print(k,end=" ")
```
- B.

```
k=1
while k < 100:
    k=k+1
    print(k,end=" ")
```
- C.

```
k=0
while k < 100:
    k=k+1
    print(k)
```
- D.

```
k=1
while k < 100:
    k=k+1
    print(k)
```

Câu 8: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Lệnh while kiểm tra điều kiện trước khi thực hiện khối lệnh lặp.
- B. Lệnh while không biết trước số lần lặp.
- C. Muốn thoát ngay khỏi vòng lặp while ta dùng lệnh break.
- D. Lệnh while kiểm tra điều kiện sau khi thực hiện khối lệnh lặp.

Câu 9: Trong các điều kiện sau đây điều kiện nào có số lần lặp không biết trước?

- A. Vận động viên chạy nhiều vòng xung quanh sân vận động trong thời gian 2 tiếng.
- B. Vận động viên chạy 20 vòng xung quanh sân vận động.
- C. Em làm 5 bài tập thầy cô giao về nhà.
- D. Em đi lấy 15 xô nước giúp mẹ.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. while là lệnh lặp với số lần biết trước. Số lần lặp của lệnh while phụ thuộc vào điều kiện của lệnh.
- B. while là lệnh lặp với số lần không biết trước. Số lần lặp của lệnh while không phụ thuộc vào điều kiện của lệnh.
- C. while là lệnh lặp với số lần không biết trước. Số lần lặp của lệnh while phụ thuộc vào điều kiện của lệnh.
- D. while là lệnh lặp với số lần biết trước. Số lần lặp của lệnh while không phụ thuộc vào điều kiện của lệnh.

Bài 22-Kiểu dữ liệu danh sách

Câu 1: Kiểu danh sách trong Python được khởi tạo như thế nào?

- A. <tên list> = [<v₁>, <v₂>, ... <v_n>]
- B. <tên list> : [<v₁>, <v₂>, ... <v_n>]
- C. <tên list> = [<v₁>, <v₂>]
- D. <tên list> : [<v₁>, <v₂>]

Câu 2: Để xóa một phần tử trong danh sách ta dùng lệnh:

- A. delete
- B. del
- C. len
- D. insert

Câu 3: Để tạo một danh sách rỗng, cách viết nào sau đây là đúng?

- A. a = [rỗng]
- B. a = [" "]
- C. a = [0]
- D. a = []

Câu 4: Cho danh sách A = [1, 0, "One", 9, 15, "Two", True, False]. Hãy cho biết giá trị của phần tử A[2]?

- A. 'One'
- B. 'Two'
- C. 0
- D. 9

Câu 5: Kết quả của đoạn chương trình sau là gì?

```
A = [1, 0, 'One', 9, 15, 'Two', True, False]
del(A[5])
print(A)
```

- A. [1, 0, 9, 15, True, False]
- B. [0, 'One', 9, 15, 'Two', True, False]
- C. [1, 0, 'One', 9, 15, True, False]
- D. [1, 0, 'One', 9, 15, 'Two', True]

Câu 6: Đoạn chương trình sau cho kết quả là dãy số nào sau đây?

```
A = [1,2,3,4,5]
for i in range(len(A)):
    print(A[i],end = " ")
```

- A. 1 2 3 4
- B. 2 3 4 5
- C. 1 3 5
- D. 1 2 3 4 5

Câu 7: Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Chỉ số của danh sách bắt đầu từ 0 đến len(), trong đó len() là lệnh tính độ dài của danh sách.
- B. Chỉ số của danh sách bắt đầu từ 0 đến len() – 1, trong đó len() là lệnh tính độ dài của danh sách.
- C. Các phần tử của danh sách có thể có các kiểu dữ liệu khác nhau.

D. Có thể duyệt lần lượt các phần tử của danh sách bằng lệnh for kết hợp với vùng giá trị của lệnh range()

Câu 8: Lệnh thêm phần tử vào cuối danh sách là:

- A. <danh sách> : append()
- B. <danh sách> . append()
- C. <danh sách> = append()
- D. <danh sách> append()

Câu 9: Đoạn chương trình sau cho kết quả là:

```
A = [2,3,4,5]
A.append(10)
print(A)
```

- A. [2, 3, 4, 5, 10]
- B. [2, 3, 4, 10, 5]
- C. [10, 2, 3, 4, 5]
- D. [2, 3, 4, 10]

Câu 10: Đoạn chương trình sau cho kết quả là:

```
A = [2,4,6,8,10]
A.append(12)
del(A[1])
print(A)
```

- A. [12, 2, 6, 8, 10]
- B. [2, 6, 8, 10]
- C. [2, 6, 8, 10, 12]
- D. [2, 4, 6, 8, 10, 12]

Bài 23-Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách

Câu 1: Để kiểm tra một giá trị có nằm trong danh sách hay không, ta dùng cú pháp nào sau đây?

- A. <danh sách> in <giá trị>
- B. <giá trị> on <danh sách>
- C. <giá trị> insert <danh sách>
- D. <giá trị> in <danh sách>

Câu 2: Lệnh A.append(x) dùng để làm gì?

- A. Bổ sung phần tử x vào đầu danh sách.
- B. Bổ sung phần tử x vào cuối danh sách.
- C. Bổ sung phần tử x vào giữa danh sách.
- D. Xoá phần tử x từ danh sách A.

Câu 3: Để xoá toàn bộ dữ liệu của danh sách A, dùng lệnh nào sau đây?

- A. A.del()
- B. A.clear()
- C. A.remove()
- D. A.append()

Câu 4: Lệnh A.insert(k,x) dùng để làm gì?

- A. Chèn phần tử x vào vị trí k của danh sách A
- B. Chèn phần tử k vào vị trí x của danh sách A
- C. Chèn phần tử k và x vào danh sách A
- D. Xoá phần tử k và x của danh sách A

Câu 5: Để xoá phần tử x từ danh sách A, câu lệnh nào sau đây đúng?

- A. A.clear(x)
- B. A.insert(x)
- C. A.remove.(x)
- D. remove(x)

Câu 6: Các dòng lệnh sau đây cho kết quả là gì?

```
>>> A=[]
>>> A.insert(0,1)
>>> A
```

- A. [1]
- B. [0]
- C. [0,1]
- D. [1,0]

Câu 7: Các dòng lệnh sau cho kết quả là dãy số nào?

```
>>> A=[1,4,10,0]
>>> A.insert(3,5)
>>> A
```

- A. [1, 4, 10, 3, 0]
- B. [1, 4, 10, 0, 5]
- C. [1, 4, 10, 5, 0]
- D. [1, 4, 10, 0, 3]

Câu 8: Danh sách A trước và sau lệnh insert() là [1,4,10,0] và [1,4,10,5,0]. Lệnh đã dùng là gì?

- A. Lệnh đã dùng là A.insert(2,5)
- B. Lệnh đã dùng là A.insert(4,5)
- C. Lệnh đã dùng là A.insert(5, 3)
- D. Lệnh đã dùng là A.insert(3,5)

Câu 9: Xét đoạn chương trình sau:

```
A = []
n=int(input("Nhập số tự nhiên n: "))
for i in range(0,n):
    A.append(i*2)
print(A,end=" ")
```

Khi chạy chương trình, nếu nhập n=5 thì kết quả là:

- A. [0, 2, 4, 6, 8, 10]
- B. [0, 2, 4, 6, 8]
- C. [2, 4, 6, 8]
- D. [1, 2, 3, 4, 5]

Câu 10: Đoạn chương trình sau cho kết quả là gì?

```
A = [1, 2, 3, 4, 5]
A.clear()
print("A=",A)
```

- A. A= []
- B. A= [1, 2, 3, 4, 5]
- C. A= [2, 3, 4, 5]
- D. A= [1, 2, 3, 4]